TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 11 - 9 - 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Ngọc Hà

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thu Trang và bà Lê Thị Thanh Thủy

Thư ký phiên toà: Bà Vũ H Phương – Thư ký viên Toà án nhân dân khu vực 4, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường Toà án nhân dân khu vực 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993; có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cước số 040193039285.

Chỗ ở: Xóm 10, xã Anh Châu, (xóm 10, xã Diễn Trung cũ) tỉnh Nghệ An.

Nơi ĐKHKTT: Thôn 7 TS, xã QT, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1988; có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cước số 040088009257.

Nơi cư trú: Thôn 7 TS, xã QT, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày đề 29/5/2025 và ngày 15/7/2025, bản tự khai ngày 15/7/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Trần Văn H có đăng ký kết hôn vào ngày 24/8/2011 tại UBND xã

DT, huyện DC, tỉnh Nghệ An, kết hôn tự nguyện, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 111/2011, quyển số 02/2010 ngày 24/8/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chúng sống với nhau một thời gian tương đối hạnh phúc, sau này quan hệ vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không còn yêu thương, chia sẻ được với nhau. Chị thấy cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, chị cùng 02 con về ngoại tại Xóm 10 DT, xã AC, tỉnh Nghệ An ở từ ngày 19/5/2025 cho đến nay, trong thời gian này anh H cũng không quan tâm đến chị và các con, vợ chồng cũng ly thân cho đến nay. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị và anh H không ai có con riêng, không có con nuôi, hiện chị N không mang thai. Có 02 con chung là Trần Nguyễn Gia B, sinh ngày 21/9/2012 và Trần Nguyễn Thảo M, sinh ngày 20/10/2015. Hiện 02 con đang ở với chị. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi 02 con, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, chị đi làm xa, nên chị N không trực tiếp đến tại Tòa án để tham gia phiên tòa được. Chị đã nạp đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Bản sao các tài liệu khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh Trần Văn H, anh có mặt tại gia đình và địa phương nhưng anh không trực tiếp đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Anh đã nạp Đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh và trình bày các nội dung về thời gian đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng giống như nội dung chị N trình bày, anh đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị N và yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con, anh H cũng mong muốn được nuôi các con, nếu được nuôi con anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con nhưng chị N cương quyết xin được nuôi 02 con, nên anh đồng ý giao 02 con cho chị N nuôi dưỡng.

Về tài sản, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Kết quả xác minh tại UBND xã Quỳnh Tam:

Chị N và anh H không đăng ký kết hôn tại UBND xã QT (xã TS cũ), tỉnh Nghệ An, mà đăng ký kết hôn tại UBND xã DT, huyện DC, tỉnh Nghệ An theo giấy đăng ký kết hôn số 111/2011 quyển số 02/2010 ngày 24/8/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Thôn 7 TS, xã QT. Vợ chồng phát sinh mâu

thuẫn như thế nào thì UBND xã không rõ nguyên nhân, việc chị N yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị N và anh H không ai có con riêng, không ai có con nuôi. Có 02 con chung Trần Nguyễn Gia B, sinh ngày 21/9/2012 và Trần Nguyễn Thảo M, sinh ngày 20/10/2015. Chị N và anh H đều là lao động tự do nên về điều kiện nuôi con đều như nhau, việc giao con cho ai nuôi dưỡng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Văn H; giao 02 con Trần Nguyễn Gia B, sinh ngày 21/9/2012 và Trần Nguyễn Thảo M, sinh ngày 20/10/2015 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng; Về tài sản không xem xét vì đương sự không có yêu cầu; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Trần Văn H, đây là vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Anh H có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại Thôn 7 TS, xã QT, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Nghệ An.

Về việc xét xử vắng mặt: Chị N đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, có đơn xin xét xử vắng. Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Bản sao các tài liệu khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Bản sao Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Bản sao Biên bản không tiến hành hòa giải được; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh Trần Văn H. Hiện anh H có mặt tại địa phương, anh đã nạp đơn trình bày nội dung yêu cầu của mình và đề

nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt anh. Vì vậy việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn H có đăng ký kết hôn vào ngày 24/8/2011 tại UBND xã DT, huyện DC, tỉnh Nghệ An, kết hôn tự nguyện. Hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, thời gian hạnh phúc nhưng sau đó có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không còn yêu thương. Chị cùng 02 con về ngoại tại Xóm 10 DT, xã AC, tỉnh Nghệ An ở từ ngày 19/5/2025 cho đến nay, trong thời gian này anh H cũng không quan tâm đến chị và các con, vợ chồng cũng ly thân. Từ lúc ly thân cho đến nay, chị N và anh H không không quan tâm gì đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Chị N xin ly hôn, anh H có mặt tại gia đình và địa phương, không có mặt tại phiên toà nhưng đã nạp đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt đã thể hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, không chấp hành các quy định báo gọi theo trình tự tố tụng của Tòa án, không quan tâm gì tới tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đã sống ly thân từ ngày 19/5/2025, cả hai đều không có biện pháp để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N nhất quyết yêu cầu được ly hôn. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn với anh H.

[3] Về con: Về yêu cầu nuôi 02 con chung là Trần Nguyễn Gia B, sinh ngày 21/9/2012 và Trần Nguyễn Thảo M, sinh ngày 20/10/2015 của chị N, anh H cũng đồng ý để chị N trực tiếp nuôi con; Căn cứ vào khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên miễn xét. Nếu đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản: Chị N và anh H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Nếu đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Trần Văn H.

2.2. Về con chung: Giao 02 con chung Trần Nguyễn Gia B, sinh ngày 21/9/2012 và Trần Nguyễn Thảo M, sinh ngày 20/10/2015 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Trần Văn H do chị N không yêu cầu.

Anh Trần Văn H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một bên hay cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án sẽ giải quyết khi đương sự có đơn yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự tỉnh nghệ an theo biên lai số 0004154 ngày 15/7/2025.

4.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

5. Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn H có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 4;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã AC (nơi ĐKKH 2011);
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Hà